



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TÓM TẮT NĂM 2025

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ CUỐI KỲ	SỐ DƯ ĐẦU KỲ
I.	Tài sản ngắn hạn	231.662.967.136	178.605.711.597
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.757.530.360	8.577.473.461
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	198.573.930.318	146.180.850.305
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	24.143.842.868	21.482.847.116
4	Hàng tồn kho	1.907.846.685	2.266.437.858
5	Tài sản ngắn hạn khác	279.816.905	98.102.857
II	Tài sản dài hạn	985.936.794.748	1.040.306.505.734
1	Các khoản phải thu dài hạn	708.982.339.724	708.921.343.169
2	Tài sản cố định	263.292.479.402	278.365.467.402
	- Tài sản cố định hữu hình	232.974.248.402	247.279.164.402
	- Tài sản cố định vô hình	30.318.231.000	31.086.303.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	36.363.635
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.194.187.127	46.251.664.127
5	Tài sản dài hạn khác	3.467.788.495	6.731.667.401
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.217.599.761.884	1.218.912.217.331
I	Nợ phải trả	738.834.881.120	741.236.522.719
1	Nợ ngắn hạn	27.461.755.370	29.747.781.969
2	Nợ dài hạn	711.373.125.750	711.488.740.750
II	Vốn chủ sở hữu	478.764.880.764	477.675.694.612
1	Vốn chủ sở hữu	478.764.880.764	477.675.694.612
		2.261.641.758	
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.233.745.657	450.233.745.657
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.269.493.349	27.441.948.955
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.217.599.761.884	1.218.912.217.331

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.159.866.439	203.115.684.849
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.159.866.439	203.115.684.849
4	Giá vốn hàng bán	32.084.981.193	35.051.765.779
5	LN gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.074.885.246	168.063.919.070
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9.458.341.558	7.811.985.712
7	Chi phí tài chính	565.658.523	(5.819.778.232)
8	Chi phí bán hàng	128.840.429.158	127.011.274.752
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.816.036.736	15.005.271.876
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.311.102.387	39.679.136.386
11	Thu nhập khác	524.318.486	313.792.676

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
12	Chi phí khác	796.983	8.231.858
13	Lợi nhuận khác	523.521.503	305.560.818
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.834.623.890	39.984.697.204
15	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.565.130.541	8.476.593.855
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.269.493.349	31.508.103.349

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	CHỈ TIÊU		NĂM 2025	NĂM 2024
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	80,97%	85,35%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản		19,03%	14,65%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	60,68%	60,81%
	- Nguồn vốn chủ hữu / Tổng nguồn vốn		39,32%	39,19%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	8,37	5,93
	- Khả năng thanh toán hiện hành		8,44	6,00
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản		2,16%	2,58%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,19%	15,51%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn đầu tư của CSH		5,83%	7,00%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH		5,49%	6,60%

TP.HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Diện